

CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN AN VINCENT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN AN VINCENT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN AN VINCENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THIEN AN VINCENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110268666

3. Ngày thành lập: 01/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 11, Tòa nhà Đa Năng, Số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 096 2366998

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán thực phẩm chức năng	4632
2.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
3.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (Trừ hoạt động đầu giá)	4641
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ hoạt động đầu giá)	4649
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đầu giá)	4669
6.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
8.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Dạy nghề	8531
9.	Đào tạo trung cấp (Không hoạt động tại trụ sở)	8532
10.	Đào tạo cao đẳng (Không hoạt động tại trụ sở)	8533
11.	Giáo dục thể thao và giải trí (Không hoạt động tại trụ sở Trừ hoạt động các sân nhảy)	8551

12.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (Không hoạt động tại trụ sở Trừ hoạt động các sân nhảy)	8552
13.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cơ sở điều trị, điều dưỡng, phục hồi chức năng bằng phương pháp xoa bóp, day ấn huyệt, xông hơi thuốc y học cổ truyền;	8699
14.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: - Thẩm mỹ không dùng phẫu thuật; - Dịch vụ tắm hơi, massage;	9610(Chính)
15.	Quảng cáo (Trừ loại Nhà nước cấm)	7310
16.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
17.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
18.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
19.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
20.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
21.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
22.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
23.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
24.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
25.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
26.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
27.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
28.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
29.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
30.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
31.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
32.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
33.	Sản xuất giày, dép	1520
34.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
35.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hoá lỏng khí để vận chuyển)	4933
37.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210

38.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hoá hàng không)	5224
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Trừ hoá lỏng khí để vận chuyển)	5225
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ các hoạt động kinh doanh liên quan đến bến bãi ô tô, hoá lỏng khí và Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
41.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không hoạt động tại trụ sở)	5510
42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)	5610
43.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5621
44.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ hoạt động bar và quán giải khát có khiêu vũ và trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)	5629
45.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Trừ hoạt động bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5630
46.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
47.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
48.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 300.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 30.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ HIỀN	Căn hộ 1807 – CT7J – KĐT mới Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	29.400	294.000.000	98,000	0351880087 34	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	29.400	294.000.000	98,000		
2	LÊ THỊ THẢO	Thôn Tân Dân 1, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300	3.000.000	1,000	0011930394 39	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300	3.000.000	1,000		

3	LÊ VĂN LINH	Thôn Mã Kiều, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300	3.000.000	1,000	0010870534 12
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300	3.000.000	1,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035188008734

Ngày cấp: 22/12/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Vũ Xá, Xã Tiêu Động, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 1807 – CT7J – KĐT mới Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội